

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG XƯƠNG
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 30/10/2019

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG XƯƠNG, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Văn Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Lợi

Bà Hoàng Thị Thúy.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Bùi Thị Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa

- Đại diện VKSND huyện Quảng Xương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 30/10/2019, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 128/2019/TLST-HNGĐ ngày 05/6/2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2019/QĐXX-ST ngày 16/10/2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lô Thị K, sinh năm 1992 (vắng mặt)

- Bị đơn: Anh Lê Văn H, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Đều có địa chỉ: Thôn C, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

Hiện nay anh Lê Văn H đang chấp hành hình phạt tù tại Trại giam Đồng Sơn, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 30/5/2019 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lô Thị K trình bày: Chị K và anh Lê Văn H tổ chức cưới theo phong tục, tập quán địa phương và chung sống với nhau tại xã Q, huyện Q từ năm 2010 đến ngày

26/02/2013 đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh H không tu chí làm ăn, chơi bời, sử dụng ma túy, làm ảnh hưởng đến cuộc sống gia đình và bản thân chị. Hiện tại anh H bị kết án về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và đang chấp hành hình phạt tù tại trại giam Đồng Sơn, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình. Từ năm 2017 anh H đi chấp hành hình phạt tù vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài; Vì vậy chị làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

Về con chung: Chị K và anh H có 01 con chung là cháu Lê Bảo H sinh ngày 04/6/2011. Nguyên vọng của chị sau khi ly hôn được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu H và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Chị K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, đơn đề nghị không tham gia hòa giải, bị đơn là anh Trần Văn H trình bày: Anh H thống nhất với nội dung trình bày của chị K về thời gian anh chị tổ chức cưới, về việc anh chị đăng ký kết hôn ngày 26/02/2013 tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì anh vi phạm pháp luật bị xét xử về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Từ ngày anh đi chấp hành án vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, nay chị K làm đơn ly hôn, anh cũng thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn với chị K.

Về con chung: Anh H và chị K có 01 con chung là cháu Lê Bảo H sinh ngày 04/6/2011. Nguyên vọng của anh sau ly hôn muốn được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu H và không yêu cầu chị K cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng. Nhưng hiện anh đang đi chấp hành án nên anh có nguyện vọng giao cháu H cho mẹ và chị gái trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ tại địa phương xác định: Chị K và anh H có tổ chức cưới theo phong tục tập quán chung sống với nhau như vợ chồng tại thôn C, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa từ năm 2010 và đến ngày 26/02/2013 vợ chồng anh chị mới đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q, Thanh Hóa. Cuộc sống của anh chị có mâu thuẫn, tuy nhiên chị K và anh H không báo cáo với chính quyền địa phương, năm 2017 anh H bị xét xử về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, bị xử phạt 05 năm 06 tháng tù. Từ ngày anh đi chấp hành án vợ chồng anh chị sống ly thân. Nay chị K có đơn xin đề nghị Tòa án giải quyết hôn nhân của chị và anh H, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Lô Thị K và anh Lê Văn H đều có đơn xin vắng mặt.

Ý kiến đại diện VKSND huyện Quảng Xương:

Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử, nguyên đơn và bị đơn đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH14; Tiểu mục 1.1 Mục 1 phần II Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14. Chấp nhận yêu cầu của chị Lô Thị K, cho chị Khởi được ly hôn anh Lê Văn H.

Về con chung: Chị K và anh H có 01 con chung là cháu Lê Bảo H sinh ngày 04/6/2011. Giao cháu Lê Bảo H cho chị Lô Thị K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị K khởi kiện xin ly hôn với anh H nơi ĐKHKTT tại Thôn Thôn C, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa là tranh chấp thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Lê Văn H hiện đang chấp hành án tại Trại giam Đồng Sơn, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình. Quá trình giải quyết vụ án anh H, chị K có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Vì vậy Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Lô Thị K và anh Lê Văn H chung sống với nhau tại xã Q, huyện Q từ năm 2010, đến ngày 26/02/2013 đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị K và anh H là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh H không tu chí làm ăn, vi phạm pháp luật phải đi chấp hành hình phạt tù làm ảnh hưởng đến cuộc sống gia đình. Từ ngày anh H đi chấp hành án, vợ chồng không quan tâm đến nhau, sống ly thân từ đó đến nay, quá

trình giải quyết vụ án chị K vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn anh H, anh H xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không ai còn quan tâm đến ai, anh đồng ý ly hôn chị K. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên xử cho chị K được ly hôn anh H là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị K và anh H có 01 con chung là cháu Lê Bảo H sinh ngày 04/6/2011. Chị K, anh H đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Hội đồng xét xử xét thấy nguyện vọng của chị K và anh H là chính đáng, tuy nhiên anh H đang chấp hành hình phạt tù không có điều kiện trực tiếp nuôi con, hiện nay chị K là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu H, cháu H có nguyện vọng được ở với mẹ. Do đó giao cháu Lê Bảo H cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của cháu và quy định pháp luật. Chị K không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con vì vậy anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh H có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản: Chị K và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị K phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

* Căn cứ: Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 6, điểm a Khoản 1 Điều 24, Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH14; Tiểu mục 1.1 Mục 1 phần II Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

* Xử:

- Về hôn nhân: Chị Lô Thị K được ly hôn anh Lê Văn H.
- Về con chung: Giao cháu Lê Bảo H sinh ngày 04/6/2011 cho chị Lô Thị K trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh H có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.
- Về tài sản: Chị K và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị K phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0001577 ngày 04/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa. Chị K đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

- Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7 và điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Quảng Xương;
- Các đương sự;
- Chi cục THA dân sự Quảng Xương;
- UBND xã Quảng Ninh, Quảng Xương;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm Phán – Chủ tọa phiên tòa

Cao Văn Tuấn

